

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP  
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

TS. Bùi Thị Minh Nguyệt, PGS.TS. Trần Quang Bảo (Đồng chủ biên)  
ThS. Chu Thị Thu. TS. Lã Nguyên Khang

**THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG:  
CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN**  
*(SÁCH CHUYÊN KHẢO)*



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

## **CÁC TÁC GIẢ**

1. TS. BÙI THỊ MINH NGUYỆT (đồng chủ biên), tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Kinh tế nông nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (NEU), hiện là Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.
2. PGS.TS. TRẦN QUANG BẢO (đồng chủ biên), tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Khoa học Lâm nghiệp (Forest Sciences) tại Đại học Colorado Hoa Kỳ (Colorado State University, USA), công tác tại Cục Lâm nghiệp.
3. ThS. CHU THỊ THU, Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.
4. TS. LÃ NGUYỄN KHANG, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Lâm nghiệp tại Trường Đại học Lâm nghiệp, hiện là nghiên cứu viên Viện Sinh thái rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.

## ***LỜI NÓI ĐẦU***

Việt Nam có tiềm năng rất lớn về tài nguyên rừng và rừng có nhiều giá trị khác nhau (giá trị sử dụng trực tiếp, giá trị sử dụng gián tiếp và giá trị phi sử dụng). Trong các giá trị của hệ sinh thái rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng chiếm 60-80% tổng giá trị kinh tế của rừng tạo ra (Pearce, 2001; Krieger, 2001; Natasha, 2002). Việc khai thác dịch vụ môi trường rừng là rất cần thiết nhằm nâng cao giá trị của hệ sinh thái rừng, tạo nguồn thu để đầu tư lại cho bảo vệ và phát triển rừng, giảm sự đầu tư của Nhà nước, quan trọng hơn là thay đổi nhận thức về vai trò và giá trị đa dụng của rừng.

Cho thuê môi trường rừng được cho là một phương thức nhằm xã hội hóa dịch vụ môi trường rừng và hình thức này đã được áp dụng thí điểm ở một số vườn quốc gia (VQG) như: VQG Ba Vì, VQG Bidoup - Núi Bà, VQG Ba Bể từ năm 2002. Ngoài ra, trên thực tế cũng có một số mô hình tự phát với quy mô nhỏ, phân tán ở các khu rừng khác nhau kể cả rừng sản xuất và phòng hộ (Bùi Thị Minh Nguyệt, 2018). Để khuyến khích và thúc đẩy hoạt động cho thuê môi trường rừng, Chính phủ Việt Nam đã ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thuê môi trường rừng tại các khu rừng nhưng việc triển khai các hoạt động cho thuê còn chậm vì nhiều lý do khác nhau (Bùi Thị Minh Nguyệt, 2014). Để thực hiện hoạt động cho thuê môi trường rừng đòi hỏi phải tổng kết thực tiễn, nghiên cứu các kinh nghiệm và có hệ thống chính sách phù hợp.

Trong khuôn khổ cuốn sách này, chúng tôi hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến cho thuê môi trường rừng trên thế giới và ở Việt Nam, đi sâu vào các vấn đề kỹ thuật liên quan đến cho thuê môi trường rừng như lượng giá dịch vụ môi trường rừng, xác định giá cho thuê, hình thức cho thuê, mô hình cho thuê môi trường rừng và các quy định pháp lý có liên quan. Vì vậy, ấn phẩm sách chuyên khảo này sẽ cung cấp thông tin hữu ích phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam, các cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp, các tổ chức có liên quan.

Cuốn sách chuyên khảo ***“Thuê môi trường rừng - Chính sách và Thực tiễn”*** được xuất bản trên cơ sở kết quả nghiên cứu của 02 Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ *“Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các mô hình làm cơ sở đề xuất chính sách cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam”* do TS. Bùi Thị Minh Nguyệt chủ trì, thực hiện trong 2 năm 2017 - 2018; Đề tài *“Nghiên cứu đề xuất cơ chế tài chính bền vững trong hoạt động kinh doanh và dịch vụ du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam”* do PGS.TS Trần Quang Bảo chủ trì, thực hiện trong 2 năm 2018-2019, và một số nghiên cứu có liên quan do TS. Bùi Thị Minh Nguyệt chủ trì, được mở rộng và phát triển về mặt lý luận và thực tiễn.

Phân công nhiệm vụ biên soạn cụ thể như sau: TS. Bùi Thị Minh Nguyệt là đồng chủ biên, chỉ đạo chung việc biên soạn tài liệu, thực hiện chính biên soạn Chương 1, Chương 4, tham gia biên soạn Chương 2, Chương 3; PGS.TS. Trần Quang Bảo đồng chủ biên, biên soạn Chương 2, tham gia biên soạn Chương 4; ThS. Chu Thị Thu biên soạn Chương 3; TS. Lã Nguyên Khang tham gia biên soạn Chương 4.

Tuy các tác giả đã có nhiều cố gắng trong thực hiện biên soạn cuốn sách chuyên khảo nhưng không tránh khỏi sai sót do hạn chế về thời gian và năng lực, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý từ đồng nghiệp và người đọc để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Thông tin liên hệ: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Lâm nghiệp, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Mọi góp ý xin được gửi về địa chỉ email: [nguyetbtm@vnuf.edu.vn](mailto:nguyetbtm@vnuf.edu.vn).

Số điện thoại liên hệ: 0913 348584

*Trân trọng cảm ơn!*

**Các tác giả**

## ***LỜI CẢM ƠN***

Cuốn sách này là một trong những sản phẩm thuộc 02 Đề tài NCKH cấp Bộ: “*Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các mô hình làm cơ sở đề xuất chính sách cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam*” do TS. Bùi Thị Minh Nguyệt chủ trì, thực hiện trong 2 năm 2017-2018; Đề tài “*Nghiên cứu đề xuất cơ chế tài chính bền vững trong hoạt động kinh doanh và dịch vụ du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam*” do PGS.TS, Trần Quang Bảo chủ trì, thực hiện trong 2 năm 2018-2019 bằng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong quá trình thực hiện, bên cạnh sự cố gắng, nỗ lực của Nhóm nghiên cứu, chúng tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ, chia sẻ thông tin, đóng góp ý kiến quý báu từ phía các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Chúng tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới:

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ Tài chính thuộc Bộ NN&PTNT; Vụ Kế hoạch Tài chính; Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Vụ Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ thuộc Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT); Trường Đại học Lâm nghiệp; Các ban quản lý Vườn quốc gia (VQG): VQG Ba Vì, VQG Tam Đảo, VQG Bến En, VQG Cát Tiên, VQG Bạch Mã, VQG Cúc Phương, VQG Yok Don, VQG Hoàng Liên, VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, VQG U Minh Thượng...; Các Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên.

- Các nhà khoa học, các chuyên gia trong nước và quốc tế, các nhà nghiên cứu tham gia thực hiện 02 đề tài cấp Bộ. Đặc biệt, chúng tôi nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp của PGS.TS. Nguyễn Bá Ngãi, TS. Phạm Xuân Phương, ThS. Phạm Hồng Lượng, PGS.TS. Đỗ Anh Tuấn trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu.

Mặc dù tập thể tác giả đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn nhưng cuốn sách còn khó tránh khỏi còn thiếu sót nhất định. Chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý bạn đọc để những lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Các tác giả**

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

| <b>Viết tắt</b> | <b>Viết đầy đủ</b>                                          |
|-----------------|-------------------------------------------------------------|
| BQL             | Ban quản lý                                                 |
| BTTN            | Bảo tồn thiên nhiên                                         |
| BVR             | Bảo vệ rừng                                                 |
| BV&PTR          | Bảo vệ và phát triển rừng                                   |
| CDM             | Cơ chế phát triển sạch                                      |
| CER             | Lượng giảm phát thải được chứng nhận                        |
| CIFOR           | Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế                     |
| DL              | Du lịch                                                     |
| DLST            | Du lịch sinh thái                                           |
| DVDLST          | Dịch vụ du lịch sinh thái                                   |
| DVMTR           | Dịch vụ môi trường rừng                                     |
| ĐDSH            | Đa dạng sinh học                                            |
| ERPA            | Thỏa thuận chi trả giảm phát thải                           |
| FCPF            | Quỹ đối tác cacbon trong Lâm nghiệp                         |
| GCF             | Quỹ Khí hậu xanh                                            |
| GIZ             | Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức                                 |
| HĐKD            | Hoạt động kinh doanh                                        |
| HĐND            | Hội đồng nhân dân                                           |
| KBT             | Khu bảo tồn                                                 |
| KBTTN           | Khu bảo tồn thiên nhiên                                     |
| KDL             | Khu du lịch                                                 |
| KD DLST         | Kinh doanh du lịch sinh thái                                |
| KNK             | Khí nhà kính                                                |
| MTR             | Môi trường rừng                                             |
| LEAF            | Liên minh giảm phát thải và tăng cường tài chính lâm nghiệp |
| LSNG            | Lâm sản ngoài gỗ                                            |

---

|         |                                                      |
|---------|------------------------------------------------------|
| LULUCF  | Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp      |
| NCKH    | Nghiên cứu khoa học                                  |
| NDC     | Đóng góp do quốc gia tự quyết định                   |
| NN&PTNT | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                  |
| NLKH    | Nông lâm kết hợp                                     |
| NSNN    | Ngân sách nhà nước                                   |
| PFES    | Chi trả dịch vụ môi trường rừng                      |
| PCCCR   | Phòng cháy chữa cháy rừng                            |
| RDD     | Rừng đặc dụng                                        |
| REDD+   | Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng         |
| RPH     | Rừng phòng hộ                                        |
| TCLN    | Tổng cục Lâm nghiệp                                  |
| TNR     | Tài nguyên rừng                                      |
| TNTN    | Tài nguyên thiên nhiên                               |
| UBND    | Ủy ban nhân dân                                      |
| UNDP    | Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc            |
| UNEP    | Chương trình môi trường Liên hợp quốc                |
| UNFCCC  | Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| VER     | Giảm phát thải tự nguyện                             |
| VQG     | Vườn quốc gia                                        |
| WTP     | Mức sẵn lòng chi trả                                 |

## ***MỤC LỤC***

|                   |   |
|-------------------|---|
| LỜI NÓI ĐẦU ..... | 3 |
| LỜI CẢM ƠN .....  | 5 |
| MỤC LỤC.....      | 8 |

### *Chương 1*

#### **CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN VỀ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

|                                                                                                                  |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <i>1.1. Rừng và dịch vụ môi trường rừng.....</i>                                                                 | <i>10</i> |
| 1.1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của rừng.....                                                             | 10        |
| 1.1.2. Dịch vụ hệ sinh thái rừng.....                                                                            | 18        |
| 1.1.3. Dịch vụ môi trường rừng .....                                                                             | 19        |
| <i>1.2. Bản chất, vai trò, các yếu tố ảnh hưởng, nguyên tắc cho thuê môi trường rừng ....</i>                    | <i>23</i> |
| 1.2.1. Khái niệm và bản chất thuê môi trường rừng .....                                                          | 23        |
| 1.2.2. Vai trò của thuê môi trường rừng.....                                                                     | 26        |
| 1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới cho thuê môi trường rừng .....                                                   | 26        |
| 1.2.4. Nguyên tắc cho thuê môi trường rừng .....                                                                 | 27        |
| <i>1.3. Cơ sở pháp lý cho thuê môi trường rừng.....</i>                                                          | <i>27</i> |
| 1.3.1. Các văn bản pháp lý có liên quan .....                                                                    | 27        |
| 1.3.2. Các nội dung chi tiết liên quan đến thuê môi trường rừng ở Việt Nam.....                                  | 29        |
| <i>1.4. Cơ sở thực tiễn cho thuê môi trường rừng.....</i>                                                        | <i>33</i> |
| 1.4.1. Xu hướng phát triển hoạt động cho thuê môi trường rừng trên thế giới.....                                 | 33        |
| 1.4.2. Các hình thức cho thuê môi trường rừng và các loại hình dịch vụ<br>cho thuê.....                          | 34        |
| 1.4.3. Các chính sách cho thuê môi trường rừng đang áp dụng trên thế giới .....                                  | 37        |
| 1.4.4. Tổ chức quản lý các hoạt động cho thuê môi trường rừng kinh doanh<br>du lịch sinh thái trên thế giới..... | 39        |
| 1.4.5. Bài học kinh nghiệm cho việc đề xuất chính sách cho thuê môi trường<br>rừng ở Việt Nam .....              | 41        |

### *Chương 2*

#### **THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

|                                                                          |           |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <i>2.1. Giới thiệu thị trường dịch vụ môi trường rừng.....</i>           | <i>43</i> |
| 2.1.1. Khái niệm.....                                                    | 43        |
| 2.1.2. Các cơ chế giao dịch thị trường dịch vụ môi trường rừng.....      | 43        |
| 2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường dịch vụ môi trường rừng ..... | 44        |

|                                                     |    |
|-----------------------------------------------------|----|
| 2.2. Một số thị trường dịch vụ môi trường rừng..... | 44 |
| 2.2.1. Thị trường cacbon rừng.....                  | 44 |
| 2.2.2. Thị trường dịch vụ đa dạng sinh học .....    | 54 |
| 2.2.3. Thị trường dịch vụ rừng đầu nguồn .....      | 55 |
| 2.2.4. Thị trường cảnh quan .....                   | 57 |

### Chương 3

## LƯỢNG GIÁ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG VÀ ĐỊNH GIÁ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

|                                                                                                                    |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 3.1. Giá trị kinh tế của hệ sinh thái rừng.....                                                                    | 60 |
| 3.1.1. Giá trị của hệ sinh thái rừng.....                                                                          | 60 |
| 3.1.2. Giá trị kinh tế của hệ sinh thái rừng.....                                                                  | 63 |
| 3.2. Lượng giá dịch vụ môi trường rừng.....                                                                        | 65 |
| 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm của lượng giá dịch vụ môi trường rừng .....                                             | 65 |
| 3.2.2. Quy trình lượng giá dịch vụ môi trường rừng.....                                                            | 69 |
| 3.2.3. Phương pháp lượng giá dịch vụ môi trường rừng.....                                                          | 71 |
| 3.2.4. Lượng giá một số dịch vụ môi trường rừng phổ biến .....                                                     | 75 |
| 3.3. Tổng hợp kết quả lượng giá giá trị kinh tế của hệ sinh thái rừng .....                                        | 84 |
| 3.3.1. Trên thế giới.....                                                                                          | 84 |
| 3.3.2. Xác định giá cho thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái,<br>nghỉ dưỡng, giải trí ở Việt Nam..... | 94 |

### Chương 4

## MÔ HÌNH CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG Ở VIỆT NAM

|                                                                                                                                              |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.1. Thực trạng thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái ở Việt Nam .....                                                           | 112 |
| 4.1.1. Bối cảnh ra đời các mô hình cho thuê môi trường rừng kinh doanh<br>du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên ..... | 112 |
| 4.1.2. Tình hình kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí<br>tại Việt Nam .....                                                    | 115 |
| 4.1.3. Tình hình cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam .....                                                                                   | 122 |
| 4.2. Đánh giá tác động hoạt động cho thuê tại các điểm nghiên cứu.....                                                                       | 137 |
| 4.3. Lựa chọn mô hình có triển vọng cho thuê môi trường rừng.....                                                                            | 144 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO.....                                                                                                                      | 149 |

# CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN VỀ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

## 1.1. RỪNG VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

### 1.1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của rừng

#### 1.1.1.1. Khái niệm rừng

Theo Tansley (1935): Rừng là một hệ sinh thái, là tổ hợp của một quần xã sinh vật với môi trường vật lý mà quần xã đó tồn tại, trong đó các sinh vật tương tác với nhau và với môi trường để tạo nên chu trình vật chất và sự chuyển hóa của năng lượng.

Theo quan điểm của Nghị định thư Kyoto: Rừng là hệ sinh thái có diện tích tối thiểu 0,05-1,00 ha; tỷ lệ che phủ tầng tán tối thiểu 10-30%; chiều cao cây cối tối thiểu 2-5m.

Luật Bảo vệ và phát triển rừng của Việt Nam 2004: Rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó có cây gỗ, tre, nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính, có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 (10%) trở lên.

Luật Lâm nghiệp 2017: Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.

Với định nghĩa này cho thấy, rừng là một hệ sinh thái gồm các loài thực vật, động vật, vi sinh vật, đất rừng và cả các yếu tố môi trường, tạo thành một tổng thể thống nhất các yếu tố của rừng. Vì vậy, không nên nhìn nhận rừng chỉ có một yếu tố là cây rừng, mặc dù yếu tố này là yếu tố chủ yếu, là yếu tố đặc trưng của rừng.